

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

Số: 04/2013/BCTC-VA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Ác Quy Tia Sáng

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ác Quy Tia Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Ác Quy Tia Sáng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/02/2013, từ trang 03 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến


Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Trần Quốc Trị
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0581/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2013



Trần Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0487/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2012

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		118.533.736.502	185.495.908.340
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	716.954.326	3.830.485.029
1. Tiền	111		716.954.326	3.830.485.029
III- Các khoản phải thu	130		32.397.216.981	42.040.892.588
1. Phải thu của khách hàng	131		32.072.885.407	39.611.264.028
2. Trả trước cho người bán	132		1.015.284.750	115.307.271
5. Các khoản phải thu khác	135	6	265.898.813	2.559.195.354
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(956.851.989)	(244.874.065)
IV- Hàng tồn kho	140	7	82.684.619.352	136.410.027.481
1. Hàng tồn kho	141		82.998.851.825	136.557.827.481
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(314.232.473)	(147.800.000)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.734.945.843	3.214.503.242
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		158.356.558	341.971.376
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		300.469.885	722.941.931
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	1.331.228.382	1.331.228.382
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	944.891.018	818.361.553
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		64.133.095.747	70.735.144.395
II- Tài sản cố định	220		61.388.278.559	67.841.068.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	45.465.095.940	51.842.568.745
- Nguyên giá	222		103.115.320.641	103.283.587.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.650.224.701)	(51.441.018.676)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	14.900.651.946	14.975.968.776
- Nguyên giá	225		14.975.968.776	14.975.968.776
- Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định	226		(75.316.830)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.000.000.000	1.000.000.000
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		22.530.673	22.530.673
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.744.817.188	2.894.076.201
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.164.335.420	1.313.594.433
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.580.481.768	1.580.481.768
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		182.666.832.249	256.231.052.735

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	165.953.891.954	269.675.243.356
2. Các khoản giảm trừ	02		762.310.118	1.168.672.784
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	165.191.581.836	268.506.570.572
4. Giá vốn hàng bán	11	23	146.777.724.151	218.834.418.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.413.857.685	49.672.152.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	440.944.718	898.375.254
7. Chi phí tài chính	22	25	18.075.161.844	17.138.448.201
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.725.582.183	15.496.459.642
8. Chi phí bán hàng	24		21.475.879.872	24.073.294.599
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.280.318.802	9.133.111.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(29.976.558.115)	225.673.049
11. Thu nhập khác	31	26	370.849.372	1.270.801.160
12. Chi phí khác	32	27	38.740.104	72.727.909
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		332.109.268	1.198.073.251
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(29.644.448.847)	1.423.746.300
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	387.239.067
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(29.644.448.847)	1.036.507.233
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(4.395)	242

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thúy



Tổng Giám đốc

Tô Văn Thành

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ắc Quy Tia Sáng (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001032 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2004 chuyển đổi sang số 0200168458 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đại lộ Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

Công ty có các Chi nhánh:

1. Chi nhánh Quảng Ninh: Tại Tổ 13, Khu 4, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
2. Chi nhánh Nam Định: Tại 179 Đường Giải phóng, Tân An, Lộc Hòa, Thành phố Nam Định.
3. Chi nhánh Hải Dương : Tại 319 Đường Điện Biên Phủ, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương.
4. Chi nhánh Hồ Chí Minh: Tại 020 Lô F Chung cư Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Chi nhánh tại Đà Nẵng: Tại 800 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Hiệp Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
6. Chi nhánh Hà Nội: Tại số 9A Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 67.454.800.000 VND, chia thành 6.745.480 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/04/2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, sửa chữa các loại ắc quy;
- Kinh doanh các nguyên liệu vật tư thuộc ngành hàng sản xuất ắc quy và các phụ tùng ắc quy;
- Tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động cho cán bộ công nhân viên ngành hóa chất; và
- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, sửa chữa các loại ắc quy.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục cho dù (i) Tại ngày 31/12/2012, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 8.563.279.689 VND; (ii) Công ty đã sử dụng hầu như toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản khác của Công ty để thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn, dài hạn của ngân hàng phục vụ cho việc mua máy móc, thiết bị và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự thành công của các cuộc thương thảo giữa Ban giám đốc Công ty với các ngân hàng, tổ chức tài chính về việc tiếp tục cung cấp các khoản vay cũng như tìm kiếm các nhà đầu tư để có được sự hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn và duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng các ngân hàng, tổ chức tài chính vẫn sẽ tiếp tục cung cấp các khoản vay và sự hỗ trợ về tài chính để giúp Công ty hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính này không bao gồm các khoản điều chỉnh cần thiết liên quan tới việc phân loại lại giá trị tài sản, công nợ trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính về Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các tài sản dưới dạng tiền và công nợ bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tiền mặt ngoại tệ của ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Vietinbank tại ngày của Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2012 như sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam là 20.815 VND/USD.
- Ngân hàng Á Châu ACB là 20.810 VND/USD.
- Trung bình các ngân hàng là 20.815 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoại trừ một số máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất chính được khấu hao theo sản lượng thực hiện trong kỳ, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa	5 - 15
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	7 - 10
Thiết bị quản lý	8
Tài sản cố định khác	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất ở, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, quyền sử dụng đất ở không được tính khấu hao.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng thay thế không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định;
- Chi phí trợ cấp chấm dứt hợp đồng lao động;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Ngoại trừ chi phí trợ cấp chấm dứt hợp đồng lao động được phân bổ cho các năm tiếp theo theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC, các khoản chi phí trả trước còn lại này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ theo thời gian thực tế tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh từ một đến ba năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2012, kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ nên Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra là 10% với sản phẩm bán trong nước và 0% với sản phẩm xuất khẩu. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Tập đoàn hóa chất Việt Nam với tư cách là công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết do công ty mẹ đầu tư và chi phối hoặc có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên trong Hội đồng quản trị công ty mẹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 31.

5. TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	493.707.585	1.176.181.216
Tiền gửi ngân hàng	223.246.741	2.654.303.813
Cộng	716.954.326	3.830.485.029

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Pin - Ác quy Vĩnh Phú	-	2.526.644.120
Các khoản phải thu khác	265.898.813	32.551.234
Cộng	265.898.813	2.559.195.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	32.566.599.290	74.940.160.839
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.715.390.261	3.034.505.620
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.945.909.647	38.216.500.855
Thành phẩm tồn kho	5.174.248.735	7.722.830.588
Hàng hoá tồn kho	10.518.750	74.254.337
Hàng gửi đi bán	6.586.185.142	12.569.575.242
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(314.232.473)	(147.800.000)
Cộng	82.684.619.352	136.410.027.481

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa từ năm 2011.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	944.891.018	537.735.248
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	280.626.305
Cộng	944.891.018	818.361.553

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là dây chuyền lắp ráp ắc quy ô tô tự động và máy hàn chùm kiểu COSI-2 cho 3x2 ắc quy được thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là nguyên giá của quyền sử dụng đất ở, phản ánh giá mua 200,8 m² đất ở tại tổ 29, phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404010121 được Chủ tịch thành phố Đà Nẵng ký ngày 22/11/2000, hồ sơ gốc số 14948.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ	400.877.924	1.016.024.755
Chi phí trợ cấp mất việc làm	704.347.719	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	59.109.777	297.569.678
Cộng	1.164.335.420	1.313.594.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	25.815.108.231	66.227.480.460	5.620.920.128	609.180.915	5.010.897.687	103.283.587.421
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	138.302.600	-	29.964.180	-	-	168.266.780
Thanh lý	138.302.600	-	29.964.180	-	-	168.266.780
Tại ngày 31/12/2012 (*)	25.676.805.631	66.227.480.460	5.590.955.948	609.180.915	5.010.897.687	103.115.320.641
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	8.789.176.638	36.849.527.789	3.044.667.230	593.195.412	2.164.451.607	51.441.018.676
Tăng trong năm	2.513.943.637	2.568.839.024	506.644.768	4.790.088	783.255.288	6.377.472.805
Trích khấu hao	2.513.943.637	2.568.839.024	506.644.768	4.790.088	783.255.288	6.377.472.805
Giảm trong năm	138.302.600	-	29.964.180	-	-	168.266.780
Thanh lý	138.302.600	-	29.964.180	-	-	168.266.780
Tại ngày 31/12/2012	11.164.817.675	39.418.366.813	3.521.347.818	597.985.500	2.947.706.895	57.650.224.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	17.025.931.593	29.377.952.671	2.576.252.898	15.985.503	2.846.446.080	51.842.568.745
Tại ngày 31/12/2012	14.511.987.956	26.809.113.647	2.069.608.130	11.195.415	2.063.190.792	45.465.095.940

(*) Tổng nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 hết khấu hao nhưng vẫn được sử dụng là 19.904.569.814 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác tại ngày 31/12/2012 là số dư ký cược tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu để bảo đảm cho hợp đồng cho thuê tài chính được ký giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu và Công ty, liên quan đến dây chuyền lắp ráp ắc quy ô tô tự động và máy hàn chùm kiểu COSI-2 cho 3x2 ắc quy được thuê tài chính (trình bày tại thuyết minh số 10).

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn VND	72.597.767.636	89.799.972.797
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quận Lê Chân (1)	22.187.495.410	71.099.508.980
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (2)	20.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (3)	29.610.272.226	17.900.463.817
Công đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (4)	800.000.000	800.000.000
Vay ngắn hạn USD	3.970.146.736	2.380.682.889
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quận Lê Chân (1)	3.970.146.736	2.380.682.889
Vay dài hạn đến hạn trả VND	1.742.793.156	1.742.793.156
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	662.793.156	662.793.156
Vay dài hạn đến hạn trả USD	2.357.523.280	2.359.562.464
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.357.523.280	2.359.562.464
Cộng	80.668.230.808	96.283.011.306

(1) Đây là các khoản vay ngắn hạn để sản xuất và kinh doanh các loại ắc quy với thời hạn không quá 8 tháng theo hợp đồng tín dụng số 01.12/HĐHM ngày 08/06/2012 giới hạn tín dụng Công ty là 63 tỷ VND với thời hạn áp dụng đến 08/12/2012 và hợp đồng tín dụng số 02.12/HĐHM ngày 19/12/2012 về việc giới hạn tín dụng Công ty là 63 tỷ VND với thời hạn áp dụng đến 31/05/2013 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Lê Chân. Lãi suất vay trong hạn bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ và được điều chỉnh khi lãi suất thị trường hoặc những quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc sự thay đổi bất thường của nền kinh tế làm tăng chi phí huy động vốn của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay là toàn bộ khu nhà điều dưỡng Đồ Sơn và vật kiến trúc tại phường Vạn Hương, thị xã Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; toàn bộ nhà xưởng nhà kho văn phòng và vật kiến trúc của Công ty tại Đại lộ Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Phòng; dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ắc quy; toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 800 Nguyễn Lương Bằng, phường Hiệp Hòa Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE572895, hợp đồng thế chấp số 7448TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/08/2012; toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 0.14, lô H chung cư Tây Thanh, đường 8, phường Tây Thanh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA881659, hợp đồng thế chấp số 021957 ngày 16/08/2012; toàn bộ tài sản được xây dựng trên mảnh đất rộng 106 m² tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 19, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO892093, hợp đồng thế chấp số 01.12/HĐTC ngày 18/12/2012; với tổng giá trị tài sản theo đánh giá của Ngân hàng là 30.560.000.001 VND cho hợp đồng tín dụng số 02.12/HĐHM ngày 19/12/2012. Số dư gốc vay USD tại ngày 31/12/2012 là 190.734,89 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(2) Đây là các khoản vay Tập đoàn Hóa chất Việt Nam theo hợp đồng số 204/HĐ-HCVN ngày 06/01/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 16/07/2012 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay 9%/năm, trả lãi vào cuối mỗi quý, trả gốc toàn bộ một lần khi đến hạn. Trong trường hợp đặc biệt, Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam có quyền thu hồi vốn vay trước hạn nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Công ty trước 01 tháng. Lãi suất vay quá hạn là 13,5%/năm. Là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Đây là các khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (VCFC) theo hợp đồng số 054/HĐHM/VCFC ngày 20/11/2011 và hợp đồng tín dụng số 04-2012/HĐTD/VCFC ngày 01/04/2012 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày thu lãi bằng thông báo của VCFC. Trường hợp đến thời điểm điều chỉnh mà không có thông báo mức lãi suất mới bằng văn bản của VCFC sẽ mặc nhiên được hiểu là mức lãi suất cho vay vẫn được giữ nguyên như kỳ trước. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng toàn bộ nguồn thu và tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Ác Quy Tia Sáng (bao gồm cả tài sản thế chấp, cầm cố, ký quỹ).

(4) Đây là khoản vay Công đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để sửa chữa khách sạn Đồ Sơn từ năm 2004 với lãi suất là 12%/năm.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế xuất, nhập khẩu	916.432	3.743.833
Thuế thu nhập cá nhân	43.140.270	27.658.159
Cộng	44.056.702	31.401.992

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.156.747.023	795.359.204
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	45.853.781
Trích trước chi phí khác	455.430.300	85.418.253
Cộng	1.612.177.323	926.631.238

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	79.328.172	23.154.235
Bảo hiểm xã hội	447.956.884	-
Phải trả về cổ phần hóa	49.440.000	74.160.000
Lãi vay phải trả	21.828.800	125.599.000
Lãi cổ tức phải trả	1.720.226.000	-
Phải trả tiền chấm dứt hợp đồng lao động	704.347.719	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	527.404.050	49.404.561
Cộng	3.550.531.625	272.317.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký quỹ dài hạn của công nhân học nghề	483.861.500	673.666.000
Nhận ký quỹ của đại lý ủy thác	61.000.000	61.000.000
Khác	-	9.540.000
Cộng	544.861.500	744.206.000

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn VND	4.570.668.500	5.908.634.600
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (1)	2.161.000.000	3.241.000.000
Cán bộ Công nhân viên Công ty (2)	2.409.668.500	2.667.634.600
Nợ dài hạn	11.325.998.297	14.356.000.694
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (3)	11.325.998.297	14.356.000.694
<i>Nợ VND</i>	2.485.474.327	3.148.267.483
<i>Nợ USD</i>	8.840.523.970	11.207.733.211
Cộng	15.896.666.797	20.264.635.294

- (1) Đây là khoản vay dài hạn theo hợp đồng số 16/HĐTH/VCFC ngày 17/11/2009 được ký với Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (VCFC) để đầu tư xây dựng khu nhà ăn ca và hội trường. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Techcombank cộng biên độ lãi suất 3%/năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với lãi suất thị trường. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Hợp đồng vay được thế chấp bằng dây chuyền máy móc với tổng giá trị theo đánh giá của (VCFC) là 6.500.000.000 VND, hệ số tín dụng 80%. Theo hợp đồng vay này, nợ gốc vay sẽ được trả mỗi quý 1 lần cho đến tháng 11 năm 2014.
- (2) Đây là khoản vay dài hạn cán bộ công nhân viên trong Công ty không xác định thời hạn trả với lãi suất từ 9%/năm đến 13%/năm. Đến hạn trả gốc vay, nếu người cho vay không có nhu cầu thu hồi nợ gốc thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc và tính như gửi kỳ hạn mới.
- (3) Đây là khoản nợ dài hạn theo hợp đồng cho thuê tài chính số 01.06.11/HĐCTTC-AQTS ngày 20/06/2011 được ký với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê tài chính máy móc thiết bị (được trình bày tại thuyết minh số 10). Thời hạn cho thuê 60 tháng. Lãi suất được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần. Khi Ngân hàng Nhà nước tăng/giảm dự trữ bắt buộc, cứ mỗi mức tăng/giảm 1% lãi suất cho vay sẽ tăng/giảm X%, X sẽ tăng hoặc giảm là 0,144%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Hợp đồng cho thuê tài chính được đảm bảo bằng khoản ký cược 1.580.430.768 VND tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Theo hợp đồng cho thuê tài chính này, nợ gốc vay sẽ được trả mỗi quý 1 lần cho đến tháng 07 năm 2016. Số dư gốc vay USD tại ngày 31/12/2012 là 424.820,95 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012
	VND
Trong năm 2013	4.100.316.436
Trong năm 2014	4.101.316.436
Trong năm 2015	3.020.316.436
Trong năm 2016	2.265.048.989
Không xác định thời hạn trả	2.409.668.500
Cộng	15.896.666.797
Trừ: Vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	4.100.316.436
Vay và nợ dài hạn	11.796.350.361

21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	34.404.520.000	34.404.520.000
Các cổ đông khác	33.050.280.000	33.050.280.000
Cộng	67.454.800.000	67.454.800.000

Cổ phiếu:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.745.480	6.745.480
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.745.480	6.745.480
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.745.480	6.745.480
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MÃU SỐ B 09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG
Đại lộ Tôn Đức Thắng, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Tại ngày 01/01/2011	33.727.400.000	-	379.944.129	3.089.787.822	1.636.931.566	10.088.670.318	48.922.733.835
Tăng trong kỳ	33.727.400.000	-	141.476.273	84.716.440	84.443.270	1.036.507.233	35.074.543.216
Lợi nhuận tăng trong kỳ						1.036.507.233	1.036.507.233
Phát hành cổ phiếu	33.727.400.000			84.716.440	84.443.270		33.727.400.000
Phân phối lợi nhuận							169.159.710
Tăng khác			141.476.273				141.476.273
Giảm trong kỳ	-	-	556.639.890	-	-	7.210.582.980	7.767.222.870
Phân phối lợi nhuận						7.210.582.980	7.210.582.980
Giảm khác			556.639.890				556.639.890
Tại ngày 31/12/2011	67.454.800.000		(35.219.488)	3.174.504.262	1.721.374.836	3.914.594.571	76.230.054.181
Tại ngày 01/01/2012	67.454.800.000	-	(35.219.488)	3.174.504.262	1.721.374.836	3.914.594.571	76.230.054.181
Tăng trong kỳ	-	51.825.362	73.937.960	19.480.624	19.480.624	-	164.724.570
Phân phối lợi nhuận 2011		51.825.362	-	19.480.624	19.480.624		90.786.610
Tăng khác							73.937.960
Giảm trong kỳ	-	-	38.718.472	-	-	33.127.456.082	33.166.174.554
Lỗ trong kỳ						29.644.448.847	29.644.448.847
Phân phối lợi nhuận năm 2011						3.483.007.234	3.483.007.234
Giảm khác			38.718.472				38.718.473
Tại ngày 31/12/2012	67.454.800.000	51.825.362	-	3.193.984.886	1.740.855.460	(29.212.861.511)	43.228.604.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại 01/01	3.914.594.571	10.088.670.318
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm	(29.644.448.847)	1.036.507.233
Chi khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	(211.500.000)
Trả cổ tức năm trước bằng tiền	(3.372.740.000)	(6.745.480.000)
Trích vốn điều lệ	(51.825.362)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ lợi nhuận năm trước	(19.480.624)	(546.340)
Trích quỹ dự phòng tài chính bổ sung từ lợi nhuận năm trước	(19.480.624)	(273.170)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bổ sung từ lợi nhuận năm trước	(19.480.624)	(273.170)
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	(84.170.100)
Tạm trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm nay	-	(84.170.100)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	(84.170.100)
Giảm khác	(1)	-
Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12	(29.212.861.511)	3.914.594.571

22. DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.953.891.954	269.675.243.356
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	165.445.077.748	268.176.094.969
Doanh thu cung cấp dịch vụ	808.814.206	1.499.148.387
Các khoản giảm trừ doanh thu	762.310.118	1.168.672.784
Chiết khấu thương mại	209.201.337	737.622.364
Hàng bán bị trả lại	553.108.781	431.050.420
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.191.581.836	268.506.570.572

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	145.305.143.102	217.260.338.476
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.306.148.576	1.426.279.634
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	166.432.473	147.800.000
Cộng	146.777.724.151	218.834.418.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55.410.674	316.602.286
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.099.138	581.772.968
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.521.683	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	306.913.223	-
Cộng	440.944.718	898.375.254

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	17.725.582.183	15.496.459.642
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	208.094.232	112.810.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.911.893	1.512.781.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.573.536	16.396.871
Cộng	18.075.161.844	17.138.448.201

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	1.201.900.000
Thu phí đào tạo công nhân nghỉ việc	233.524.772	65.639.160
Thu tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	137.324.600	-
Khác	-	3.262.000
Cộng	370.849.372	1.270.801.160

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Nộp phạt hành chính, truy thu thuế	32.740.104	72.727.909
Chi phí khác	6.000.000	-
Cộng	38.740.104	72.727.909

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(29.644.448.847)	1.423.746.300
Chi phí không được trừ	-	125.209.968
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.644.448.847)	1.548.956.268
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	387.239.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.644.448.847)	1.036.507.233
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	1.036.507.233
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.745.480	3.372.740
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong năm	-	906.167
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.745.480	4.278.907
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(4.395)	242

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	116.089.936.491	208.791.432.376
Chi phí nhân công	14.071.525.228	19.504.074.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.452.789.635	6.292.768.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.871.803.651	7.919.123.427
Chi phí khác	14.037.247.343	15.960.103.010
Cộng	157.523.302.348	258.467.501.981

31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của:		
Công ty TNHH MTV Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	50.869.449.851	190.183.734.526
Công ty Cổ phần Bột Giặt và Hoá chất Đức Giang	1.278.518.147	1.588.296.639
Công ty Cổ phần Pin - Ác quy Vĩnh Phú	1.184.550.000	1.189.804.500
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	-	56.040.600
Công ty TNHH MTV Hơi kỹ nghệ que hàn	54.730.000	72.712.935
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất H34	39.254.545	-
Chi phí lãi vay:		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	2.512.779.000	1.846.789.000
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	5.091.085.334	4.607.949.227
Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	96.000.000	96.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ cho:		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	136.363.637	562.704.525
Công ty Cổ phần Pin - Ác quy Vĩnh Phú	11.011.264.414	2.697.111.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần Pin - Ác quy Vĩnh Phú	550.044.346	219.482.996
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Pin - Ác quy Vĩnh Phú	-	2.526.644.120
Vay ngắn hạn		
Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	800.000.000	800.000.000
Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	20.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	29.610.272.226	17.900.463.817
Vay dài hạn đến hạn trả		
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
Vay dài hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	1.081.000.000	2.161.000.000
Phải trả cho người bán		
Công ty TNHH MTV Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	36.126.922.370	60.776.096.485
Công ty Cổ phần Bột Giặt và Hoá chất Đức Giang	142.079.996	307.840.028
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú	594.902.159	-
Công ty TNHH MTV Hơi Kỹ nghệ Que hàn	11.495.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất H34	43.180.000	-
Phải trả khác		
Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	101.600.000	101.600.000
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	40.500.000	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền lương	491.439.485	460.605.177
Phụ cấp Hội đồng quản trị	63.000.000	96.000.000
Tiền thưởng Ban điều hành	-	87.000.000
Cộng	554.439.485	643.605.177

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hà

Bùi Thị Thúy

Tô Văn Thành